

BÁO CÁO**Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư
Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng**

Thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (gọi là *Chỉ thị số 13-CT/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo như sau:

Lâm Đồng là tỉnh phía nam Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên 978.334 ha, trong đó, diện tích đất có rừng 536.164 ha, tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh năm 2021 đạt 55%; 28 đơn vị chủ rừng nhà nước (08 công ty TNHH MTV lâm nghiệp, 14 ban quản lý rừng, 02 vườn quốc gia, 02 hạt kiểm lâm và 02 đơn vị thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh); 13 Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (01 ban chỉ đạo cấp tỉnh và 12 ban chỉ đạo cấp huyện).

Trên địa bàn tỉnh hiện có 47 dân tộc anh em, cùng sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 70.655 hộ với 333.561 khẩu, chiếm 25,72% dân số toàn tỉnh, phần lớn các hộ sống, sản xuất nông nghiệp gần rừng và đan xen trong rừng; đặc biệt có khoảng 30 ngàn hộ dân nông thôn đang được hưởng lợi trực tiếp từ kinh tế rừng thông qua các chính sách giao khoán bảo vệ rừng, khoán trồng rừng (*chương trình 30a, 01, 135, chi trả dịch vụ môi trường rừng, ...*); tài nguyên rừng có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nhất là đối với các hộ đồng bào dân tộc (ĐBDT) sinh sống và sản xuất nông nghiệp gần rừng.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện quyết liệt phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng; các sở, ban, ngành, đơn vị chủ rừng và lực lượng chức năng đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (QLBVR) nên đã đạt được những kết quả nhất định, số vụ vi phạm, diện tích rừng bị mất, lâm sản bị thiệt hại giảm dần qua các năm. Tuy nhiên, công tác QLBVR còn gặp nhiều khó khăn, rừng vẫn bị phá, đất lâm nghiệp tiếp tục bị lấn chiếm trái phép, tình trạng chống người thi hành công vụ còn diễn ra; đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận người dân sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng ĐBDT còn nhiều khó khăn, áp lực xâm hại đến tài nguyên rừng vẫn còn ở mức nguy cơ cao.

Phần thứ nhất**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG
GIAI ĐOẠN 2011 - 2016 (*trước khi có Chỉ thị số 13-CT/TW*)****1. Hiện trạng tài nguyên rừng**

Diện tích tự nhiên của tỉnh 977.354 ha (*số liệu trước khi hiệu chỉnh*), trong đó

đất có rừng 530.000 ha; toàn tỉnh có: 26 đơn vị chủ rừng nhà nước⁽¹⁾; 13 Ban chỉ đạo về kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng - nay là Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (*có 01 ban chỉ đạo cấp tỉnh và 12 ban chỉ đạo cấp huyện*); 95 ban lâm nghiệp xã với 1.494 thành viên, trong đó có 116 kiểm lâm phụ trách địa bàn; tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 đến năm 2013 là trên 60% (*tính cả diện tích cây cao su và cây đặc sản*); năm 2014, thực hiện Đề án kiểm kê rừng toàn quốc, sau khi kiểm kê tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh giảm còn 52,5%; đến năm 2016 tỷ lệ che phủ rừng tỉnh là 53,1%⁽²⁾.

2. Đánh giá tình hình công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng

Giai đoạn 2011-2016, công tác QLBRV luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh xác định là nhiệm vụ trọng tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, liên tục; các sở, ban, ngành, lực lượng chức năng và chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã, đơn vị chủ rừng thực hiện nhiều biện pháp, giải pháp quyết liệt trong việc triển khai thực hiện nên đạt được kết quả nhất định, cụ thể:

2.1. Công tác quản lý bảo vệ rừng

- *Công tác khoán bảo vệ rừng (BVR)*: thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã tạo nguồn tài chính ổn định phục vụ hoạt động QLBRV, giảm nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước; giải quyết sinh kế cho hơn 15.000 hộ gia đình sống gần rừng, trong đó hộ ĐBDT chiếm tỷ lệ 80%. Diện tích và đơn giá khoán bảo vệ rừng từ các nguồn vốn (*ngân sách tỉnh, chi trả DVMTR*) tăng dần theo các năm trong giai đoạn 2011 - 2016⁽³⁾. Bình quân đơn giá khoán bảo vệ rừng theo chính sách chi trả DVMTR từ 300.000 đồng/ha/năm tăng lên 400.000 đồng/ha/năm và diện tích khoán bảo vệ rừng bình quân từ 25 - 30 ha/hộ, đã tăng thu nhập của mỗi hộ nhận khoán BVR từ 6,0-15,0 triệu đồng/năm. Mức thu nhập này đã góp phần ổn định và cải thiện đời sống, kinh tế cho các hộ BVR, nhất là hộ ĐBDT thiếu số và tạo động lực để các hộ nhận khoán tích cực thực hiện nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ rừng tốt hơn.

- *Công tác phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR)*: kinh phí đầu tư cho công tác PCCCR từ ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2016 là 82 tỷ đồng. Toàn tỉnh xảy ra 279 vụ cháy/611 ha (*cháy rừng 93 vụ/254 ha; cháy thảm cỏ cây bụi 186 vụ/357 ha*); phần lớn các vụ cháy đã được phát hiện và dập tắt kịp thời; trong 93 vụ cháy rừng/254 ha rừng bị cháy phần lớn đã phục hồi sau mùa mưa, thiệt hại về tài nguyên rừng khoảng 30%, các vụ cháy thảm cỏ cây bụi không gây thiệt hại về rừng.

¹ 08 công ty TNHH MTV lâm nghiệp, 14 ban quản lý rừng, 02 vườn quốc gia và 02 đơn vị chủ rừng thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

² - Năm 2011: tổng diện tích có rừng 598.193 ha; tỷ lệ che phủ rừng 60,4% (theo Quyết định số 2089/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/8/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Năm 2012: tổng diện tích có rừng 597.669 ha; tỷ lệ che phủ rừng 60,3% (theo Quyết định số 1739/QĐ-BNN-TCLN ngày 31/7/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Năm 2013: tổng diện tích có rừng 600.360 ha; tỷ lệ che phủ rừng 60,29% (theo Quyết định số 3322/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Năm 2014: tổng diện tích có rừng 532.081 ha; tỷ lệ che phủ rừng 52,5% (theo Quyết định số 3135/QĐ-BNN-TCLN ngày 06/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Năm 2015: tổng diện tích có rừng 532.095 ha; tỷ lệ che phủ rừng 53,1% (theo Quyết định số 3158/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Năm 2016: tổng diện tích có rừng 532.543 ha; tỷ lệ che phủ rừng 53,1% (theo Quyết định số 1819/QĐ-BNN-TCLN ngày 16/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

³ Diện tích khoán BVR trên địa bàn tỉnh: năm 2011: 272.378 ha; năm 2012: 310.479 ha; năm 2013: 311.334 ha; năm 2014: 397.797 ha; năm 2015: 400.000 ha và năm 2016: 395.731 ha (diện tích khoán BVR năm 2016 giảm vì căn cứ kết quả kiểm kê rừng năm 2014, các đơn vị chủ rừng rà soát và loại trừ những diện tích không đủ tiêu chí giao khoán).

- *Tình hình vi phạm quy định về QLVR*: Số vụ vi phạm, mức độ vi phạm và diện tích rừng bị thiệt hại giảm dần qua các năm trong giai đoạn 2011-2016⁽⁴⁾.

2.2. Công tác phát triển rừng

- Thực hiện Đề án giống cây trồng theo Quyết định số 2571/QĐ-UBND, ngày 01/10/2008 của UBND tỉnh, từ năm 2011 đến năm 2016 nhiều loài cây trồng lâm nghiệp đã được trồng thử nghiệm trong điều kiện sinh thái khác nhau; việc quản lý nguồn gốc cây giống, nâng cấp chất lượng vườn ươm cây giống ngày càng được chú trọng, nhiều vườn ươm đã được đầu tư.

- Công tác trồng rừng, trồng cây phân tán, cây che bóng hàng năm đều được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo; giai đoạn 2011 - 2016, toàn tỉnh trồng được 25.774 ha rừng; trong đó: vốn ngân sách nhà nước 12.000 ha, vốn trồng rừng thay thế 1.486 ha, vốn của các hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp 12.301 ha; trồng được 4,2 triệu cây xanh, góp phần tăng tỷ lệ che phủ, cải thiện cảnh quan, môi trường,...

- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp giai đoạn 2011 - 2016 (*giá cố định*), ước tăng trưởng bình quân 19%/năm, tốc độ tăng trưởng chủ yếu là nhờ sản xuất lâm nghiệp, phát triển theo hướng giảm khai thác rừng tự nhiên, tập trung công tác QLVR, khoanh nuôi tái sinh để nâng cao chất lượng rừng và trồng rừng kinh tế; thực hiện chính sách chi trả DVMTR. Tổng kinh phí đầu tư hàng năm từ ngân sách nhà nước để trồng, chăm sóc và giao khoán BVRR khoảng 170 - 180 tỷ đồng.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, công tác QLVR còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế; tình trạng vi phạm pháp luật về QLVR và đất lâm nghiệp diễn biến phức tạp, như: tình trạng phá rừng, ken cây đồ hóa chất làm chết cây rừng để lấn chiếm đất xảy ra tại hầu hết các địa phương; một số vụ việc phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép,... chậm phát hiện, chưa ngăn chặn và xử lý kịp thời, dứt điểm; tình trạng người dân trở về làng cũ vẫn xảy ra và còn diễn biến phức tạp; nhiều dự án đầu tư liên quan đến rừng và đất lâm nghiệp triển khai thực hiện chậm, năng lực của nhà đầu tư hạn chế; một số dự án đầu tư không thực hiện tốt công tác QLVR để rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm,... ảnh hưởng đến tài nguyên rừng và tạo dư luận không tốt trong xã hội.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 13-CT/TW, CHỈ THỊ SỐ 30-CT/TU VÀ ĐỀ ÁN 1836

1. Tình hình quán triệt, triển khai thực hiện các chỉ thị, đề án

1.1. Đối với Chỉ thị số 13-CT/TW

Sau khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành: (i) Công văn số 1290-CV/TU, ngày 24/01/2017 chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức phổ biến, quán triệt đến cán bộ, đảng viên; đồng thời, giao Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị

⁴ *Tình hình vi phạm*: năm 2011: 2.185 vụ vi phạm; năm 2012: 2.111 vụ (số vụ giảm 3,4%, diện tích thiệt hại do phá rừng giảm 36,04% so với năm 2011); năm 2013: 2.086 vụ (số vụ giảm 1,2%, diện tích thiệt hại do phá rừng giảm 16,2% so với năm 2012); năm 2014: 1.841 vụ (số vụ giảm 11,7%, diện tích thiệt hại do phá rừng giảm 20,91% so với năm 2013); năm 2015: 1.877 vụ (số vụ giảm 2,0%, diện tích thiệt hại do phá rừng tăng 80% so với năm 2014); năm 2016: 1.471 vụ (số vụ giảm 22%, diện tích thiệt hại do phá rừng giảm 27,43% so với năm 2015).

số 13-CT/TW; (ii) Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 31/3/2017 về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; trong đó, chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quán triệt nội dung Chỉ thị số 13-CT/TW đến các tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh; các cấp, các ngành, địa phương đã xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị, bổ sung vào nội dung công tác hàng năm, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nội dung nêu trong Kế hoạch.

UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW và Kế hoạch số 25/KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan liên quan⁽⁵⁾; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức, hội, đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh đã đẩy mạnh công tác vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia các hoạt động QLBR, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, nhân dân biết và thực hiện, thường xuyên, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

1.2. Đối với Chỉ thị số 30-CT/TU, ngày 26/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện⁽⁶⁾. Các sở, ban, ngành chức năng liên quan, huyện ủy, thành ủy, UBND cấp huyện đã ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị; đồng thời, đã phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện khá nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của Chỉ thị số 30-CT/TU; qua đó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan và nhân dân trong công tác QLBR⁽⁷⁾.

1. 3. Đối với Đề án 1836 (theo Quyết định số 1836/QĐ-UBND, ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về “Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp; khôi phục và phát triển rừng tỉnh

⁵ Văn bản: số 2168/UBND-LN ngày 14/4/2017 về việc tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp trong công tác QLBR; số 2608/UBND-LN ngày 03/5/2017 về việc tiếp tục tăng cường công tác QLBR, bảo vệ động vật hoang dã quý, hiếm; Kế hoạch số 6823/KH-UBND ngày 11/10/2017 về thực hiện chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW,...

⁶ Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: Thông báo số 82/TB-UBND ngày 17/4/2015 về việc kết luận của đồng chí Đoàn Văn Việt - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn bản số 2385/UBND-LN ngày 08/5/2015 về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt công tác QLBR năm 2015 trên địa bàn tỉnh; Thông báo kết luận số 08/TB-UBND ngày 14/01/2016 tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác QLBR, PCCCR, trồng rừng, trồng cây phân tán năm 2015 và triển khai nhiệm vụ năm 2016; Thông báo số 164/TB-UBND ngày 01/7/2016 kết luận tại Hội nghị trực tuyến sơ kết công tác QLBR, PCCCR, trồng rừng, trồng cây phân tán 06 tháng đầu năm 2016; Văn bản số 6055/UBND-LN ngày 03/10/2016 về việc tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 26/03/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản,...

⁷ Đảng ủy Công an tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/ĐUCA ngày 25/5/2015 để chỉ đạo Đảng ủy Công an các đơn vị, địa phương tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung Chỉ thị 30-CT/TU đến các chi bộ trực thuộc và toàn thể đảng viên và cán bộ chiến sỹ để thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nội dung của Chỉ thị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của ngành và trong công tác QLBR; Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 14/4/2016 của Thành ủy Đà Lạt; Nghị quyết 02-NQ/HU ngày 11/11/2015 của Huyện ủy Đơn Dương; Nghị quyết số 25-NQ/HU ngày 18/6/2015, Chương trình số 39-CTr/HU ngày 07/7/2017 của Huyện ủy Đức Trọng; Chương trình số 44-CTr/HU ngày 10/5/2017, Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 29/12/2017, Chương trình số 25-CTr/HU ngày 13/11/2018 của Huyện ủy Bảo Lâm; Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 24/5/2016, Kế hoạch 30-KH/HU ngày 28/4/2017 của Huyện ủy Đa Tịch; ...

Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”)

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản⁽⁸⁾ chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án 1836 và giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản hướng dẫn⁽⁹⁾, đôn đốc triển khai thực hiện. (*Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo*).

2. Kết quả đạt được trong công tác QLVR giai đoạn 2017-2021 (từ khi có Chỉ thị số 13-CT/TW)

2.1. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật

Công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức pháp luật về QLVR đã được cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương, các sở, ban, ngành, các cơ quan chức năng và đơn vị chủ rừng quan tâm, duy trì triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục. Nội dung và hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng, sát với tình hình thực tế; đã truyền tải được nội dung theo yêu cầu⁽¹⁰⁾ và thu hút đông đảo quần chúng tham gia trong công tác QLVR, PCCCR, chi trả DVMTR. Thông qua công tác tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi người dân đối với công tác QLVR&PTR; kiên quyết dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên, không chuyển đổi rừng tự nhiên sang các mục đích khác (*trừ các dự án quốc phòng, an ninh đặc biệt theo quy định và các công trình cấp thiết*); ưu tiên, khuyến khích trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán, khoanh nuôi tái sinh rừng,...phấn đấu duy trì tỉ lệ che phủ của rừng trên toàn tỉnh đạt 55%; hiểu rõ giá trị, vai trò quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp

a) Kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành, các cấp:

Thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành: (i) Quyết định số 1559/QĐ-UBND, ngày 14/7/2016 thành lập và quy định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*trên cơ sở sáp nhập Chi cục Kiểm lâm và Chi cục Lâm nghiệp*);(ii) Quyết định số 1597/QĐ-UBND, ngày 20/7/2017 về chuyển giao nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về lĩnh vực lâm nghiệp từ Hạt kiểm lâm sang Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc huyện (*hoặc phòng kinh tế thuộc thành phố*) theo Thông tư liên tịch số

⁸ Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: số 6771/UBND-LN ngày 14/10/2019, số 7345/UBND-LN ngày 07/11/2019, số 8199/UBND-LN ngày 16/12/2019, số 5593/UBND-LN ngày 30/6/2020, số 1836/QĐ-UBND ngày 25/8/2020, số 7386/UBND-LN ngày 07/9/2020, số 599/KH-UBND ngày 26/01/2021, số 1338/QĐ-UBND ngày 26/5/2021, số 4245/UBND-LN ngày 24/6/2021, số 1764/QĐ-UBND ngày 08/7/2021, số 7923/UBND-LN ngày 05/11/2021.

⁹ Văn bản của Sở NN&PTNT: số 62/TTr-SNN ngày 23/3/2021, số 492/SNN-KL ngày 13/4/2021, số 676/SNN-KL ngày 14/5/2021, số 763/SNN-KL ngày 26/5/2021, số 947/SNN-KL ngày 17/6/2021, số 1383/HD-SNN ngày 10/8/2021, số 1434/SNN-KL ngày 16/8/2021, số 1536/SNN-KL ngày 27/8/2021, số 1536/SNN-KL ngày 27/8/2021, số 1655/SNN-KL ngày 16/9/2021, số 1678/SNN-KH ngày 17/9/2021, số 1838/SNN-KL ngày 07/10/2021, số 2128/SNN-KL ngày 18/11/2021, số 293/TTr-SNN ngày 25/11/2021, số 2385/SNN-KL ngày 16/12/2021, số 1386/SNN-TTBVT ngày 11/8/2021, số 1655/SNN-KL ngày 16/9/2021.

¹⁰ Tập trung tuyên truyền về Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Lâm nghiệp,... các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, về PCCCR, về DVMTR; các quyết định, chỉ thị của Trung ương và của UBND tỉnh trong công tác QLVR,...

14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV, ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Nội vụ; (iii) Quyết định số 1041/QĐ-UBND, ngày 10/5/2019 thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 để triển khai thực hiện nhiệm vụ QL BV&PTR trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 886/QĐ-TTg, ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về lâm nghiệp ở địa phương:

Thực hiện chính sách giao đất, giao rừng, đã giao khoán được 11.087 ha cho 1.824 hộ gia đình và 08 cộng đồng dân cư QL BV&PTR. Chính sách giao đất, giao rừng đã góp phần xã hội hóa công tác QL BVR và đất lâm nghiệp, hỗ trợ cho các hộ ĐBDT vùng sâu, vùng xa có thêm việc làm, tăng thu nhập, ổn định đời sống và tạo động lực phát triển kinh tế; gắn quyền lợi với trách nhiệm, tạo điều kiện để người dân bảo vệ rừng, yên tâm quản lý, đầu tư phát triển rừng trên diện tích được giao. Cơ chế hưởng lợi từ rừng của cộng đồng đã khuyến khích người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao đời sống bằng nghề rừng, góp phần giảm nghèo bền vững, nâng cao độ che phủ và chất lượng rừng; hạn chế tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật, bảo tồn, phát triển hệ sinh thái động - thực vật rừng,...

c) Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát:

- Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác QL BVR những năm qua, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành chức năng đã thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra tại các địa phương, đơn vị để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm, sai phạm liên quan¹¹; đồng thời, chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra nhiều dự án thuê đất lâm nghiệp, thuê rừng trên địa bàn tỉnh để kịp thời chấn chỉnh và xử lý theo quy định đối với các dự án sai phạm, vi phạm¹².

- Lãnh đạo UBND các cấp đi kiểm tra thực tế tại rừng: Theo chương trình, kế hoạch công tác hàng tháng, lãnh đạo UBND tỉnh luân phiên đi kiểm tra rừng tại các địa phương, kiểm tra các vụ việc nổi cộm, phức tạp (*ít nhất được 01 lần/tháng/địa phương, đơn vị*); lãnh đạo UBND cấp huyện, xã chủ động kiểm tra thực tế công tác QL BVR ít nhất 02 lần/tháng; có những địa phương phức tạp về QL BVR thì lãnh đạo cấp huyện, cấp xã đã đi kiểm tra hàng tuần, đặc biệt vào các ngày nghỉ cuối tuần để kịp thời chỉ đạo, điều hành có hiệu quả công tác QL BVR (*điển hình như thành phố Đà Lạt*).

- Kết thúc các đợt thanh tra, kiểm tra của các đoàn liên ngành, UBND tỉnh kịp thời chấn chỉnh và buộc khắc phục những tồn tại, hạn chế; đồng thời, xử lý nghiêm những sai phạm, vi phạm đối với các cơ quan, đơn vị sau khi thanh tra, kiểm tra.

d) Công tác giao khoán BVR: Diện tích rừng và đơn giá khoán bảo vệ rừng từ

¹¹ Các Quyết định của UBND tỉnh: số 1716/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 về việc thanh tra trách nhiệm Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác thẩm định, cấp phép, khai thác và nghiệm thu lâm sản liên quan đến rừng và đất rừng; việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trong các năm 2015, 2016; số 1976/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 thành lập Đoàn công tác liên ngành kiểm tra các dự án đầu tư liên quan đến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; số 302/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 thành lập đoàn công tác kiểm tra tình hình quản lý đất đai, quản lý rừng; số 1375/QĐ-UBND về việc thành lập đoàn thanh tra liên ngành để tiến hành kiểm tra công tác quản lý bảo vệ rừng và thực hiện các dự án quản lý bảo vệ rừng kết hợp sản xuất nông nghiệp tại các huyện: Lâm Hà, Đức Trọng;

¹² Chỉ đạo thanh tra quá trình thực hiện dự án đầu tư của một số doanh nghiệp trên địa bàn: Công ty TNHH Minh Tú, Công ty TNHH Đại Hải, Công ty TNHH An Việt Thế kỷ 21, Công ty TNHH Hiệp Phú, Công ty Cổ phần Kinh doanh vàng bạc, đá quý Kim Minh Đạt, Công ty TNHH Vận tải hành khách và Du lịch Thuận Thành,...

các nguồn vốn (*ngân sách tỉnh, chi trả DVMTR*) tăng dần⁽¹³⁾ theo các năm⁽¹⁴⁾, góp phần ổn định và cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng, nhất là hộ ĐBDT thiểu số; đồng thời, nâng cao ý thức trách nhiệm tạo động lực để các hộ nhận khoán tích cực thực hiện nhiệm vụ tuần tra, BVR tốt hơn.

đ) Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR): Công tác PCCCR luôn được các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị chủ rừng xác định là một trong những công tác trọng tâm trong mùa khô; hàng năm, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị chủ rừng xây dựng kế hoạch, phương án PCCCR trình thẩm định, phê duyệt trước mùa khô; việc triển khai thực hiện chủ động, kịp thời, đồng bộ gắn với kiểm tra, giám sát nên cháy rừng ít xảy ra; hầu hết các vụ cháy rừng đều được phát hiện và tổ chức chữa cháy kịp thời, hạn chế thiệt hại do cháy rừng gây ra, không để xảy ra cháy lan, cháy lớn⁽¹⁵⁾.

e) Công tác quản lý dân di cư tự do: Dân di cư tự do đến tỉnh Lâm Đồng chủ yếu từ các tỉnh miền núi phía Bắc, phần lớn đang sinh sống trên đất quy hoạch lâm nghiệp, ven rừng và sống xen ghép tại các thôn, bản tại các huyện: Đam Rông (*tiểu khu: 179, 181, 197 và 198 (khu vực Tây Sơn), xã Liêng S'Rôn*), Bảo Lâm, Di Linh,...; số lượng dân di cư tự do giai đoạn 2005-2019 khoảng 2.200 hộ/7.200 khẩu (*giai đoạn 2005-2012 là 2.100 hộ/6.800 khẩu; giai đoạn 2013-2019 là 100 hộ/400 khẩu*); người ĐBDT thiểu số trong tỉnh di dân từ huyện này sang huyện khác phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp diễn ra khá phức tạp, gây áp lực cho công tác BVR (*diễn hình như vụ ĐBDT thiểu số thôn 4, xã Đạ Long, huyện Đam Rông vào tiểu khu 26, 27 thuộc Vườn Quốc gia Bidoup-Núi Bà quản lý để lấn, chiếm đất lâm nghiệp canh tác nông nghiệp, đòi quay trở về làng cũ*). Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các địa phương và cơ quan chức năng triển khai nhiều biện pháp ngăn chặn, tăng cường công tác quản lý, xây dựng phương án ổn định cuộc sống, giải quyết đất sản xuất cho dân di cư tự do⁽¹⁶⁾.

¹³ Năm 2017: giao khoán 426.222 ha (ngân sách tỉnh 56.152 ha; chi trả DVMTR 370.070 ha); năm 2018: giao khoán 434.053 ha (ngân sách tỉnh 57.804 ha; chi trả DVMTR 376.249 ha); năm 2019: giao khoán 439.808 ha (ngân sách tỉnh 57.842 ha; chi trả DVMTR 381.966 ha); năm 2020: giao khoán 439.461 ha (ngân sách tỉnh 57.322 ha; chi trả DVMTR 382.139 ha); năm 2021: giao khoán 452.756 ha (ngân sách tỉnh 57.322 ha; chi trả DVMTR 395.434 ha).

¹⁴ Năm 2017: lưu vực sông Đồng Nai 550.000 đồng/ha/năm, lưu vực sông Sêrêpôk 440.000 đồng/ha/năm; năm 2018: lưu vực sông Đồng Nai 660.000 đồng/ha/năm, lưu vực sông Sêrêpôk 550.000 đồng/ha/năm; năm 2019: lưu vực sông Đồng Nai 774.000 đồng/ha/năm, lưu vực sông Sêrêpôk 558.000 đồng/ha/năm; năm 2020: lưu vực sông Đồng Nai 668.000 đồng/ha/năm, lưu vực sông Sêrêpôk 550.000 đồng/ha/năm; năm 2021: lưu vực sông Đồng Nai 681.000 đồng/ha/năm, lưu vực sông Sêrêpôk 419.000 đồng/ha/năm.

¹⁵ Mùa khô 2016-2017 xảy ra 08 vụ cháy với tổng diện tích 25 ha (cháy rừng 03 vụ/18 ha (thiệt hại 46,67%) và cháy thảm cỏ, cây bụi dưới tán rừng 05 vụ/7 ha). Mùa khô 2017-2018 xảy ra 06 vụ cháy với tổng diện tích 10 ha (cháy rừng 05 vụ/8 ha và cháy thảm cỏ, cây bụi dưới tán rừng 01 vụ/ 2 ha). Mùa khô 2018-2019 xảy ra 10 vụ cháy với tổng diện tích 21ha (cháy rừng 02 vụ/ 1 ha và cháy thảm cỏ, cây bụi dưới tán rừng 08 vụ/ 20 ha), tuy nhiên không thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng; mùa khô 2019-2020 xảy ra 24 vụ cháy, với diện tích 105 ha (cháy rừng trồng 04 vụ/39 ha, cháy rừng tự nhiên 14 vụ/11 ha và cháy thảm cỏ cây bụi dưới tán rừng 06 vụ/54 ha); mùa khô 2020-2021 xảy ra xảy ra 05 vụ cháy rừng/7 ha (02 vụ cháy rừng/2 ha, 03 vụ cháy thảm cỏ cây bụi dưới tán rừng/5 ha).

¹⁶ UBND huyện Đam Rông đã bố trí cuộc sống được 244 hộ/922 nhân khẩu (dự án ổn định dân di cư tự do thôn 5, xã Rô Men đã bố trí 111 hộ/391 nhân khẩu; dự án sắp xếp ổn định dân di cư tự do tại xã Phi Liêng, đã bố trí 133 hộ/531 nhân khẩu). Đồng thời, UBND tỉnh đã phê duyệt cho UBND huyện Đam Rông xây dựng 04 điểm định canh, định cư trên địa bàn 03 xã (Phi Liêng, Liêng Srôn và Rô Men) với tổng mức đầu tư 135,733 tỷ đồng để sắp xếp, bố trí ổn định cho 452 hộ/2.428 nhân khẩu dân di cư tự do chủ yếu là ĐBDTTS (người H'Mông). Ngoài ra, UBND tỉnh đã đề xuất với Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương cho lập dự án đầu tư mới đối với các dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do cho 320 hộ/1.725 nhân khẩu tại các tiểu khu: 179, 181, 197 198 (khu vực Tây Sơn), xã Liêng S'Rôn, huyện Đam Rông và sớm bố trí vốn đầu tư hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để tỉnh Lâm Đồng lập dự án, triển khai dự án đầu tư trong thời gian tới.

2.3. Công tác rà soát, kiểm soát các dự án tác động tiêu cực đến diện tích rừng tự nhiên

Đối với các công trình, dự án thủy điện có tác động ảnh hưởng lớn đến diện tích rừng tự nhiên, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát theo hướng: Đối với các dự án thủy điện nhỏ đã có trong quy hoạch nhưng chưa đầu tư xây dựng thì tạm dừng, chỉ triển khai sau khi có kết quả đánh giá đảm bảo không tác động lớn, tiêu cực đến môi trường và không ảnh hưởng lớn đến dân cư; không chiếm dụng đất rừng tự nhiên và có hiệu quả kinh tế; thực hiện chủ trương dừng khai thác rừng tự nhiên của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kịp thời thu hồi 07 giấy phép khai thác lâm sản để trồng cao su đã cấp cho các doanh nghiệp với tổng diện tích 465 ha và thoả trả tiền bồi thường giá trị tài nguyên rừng cho các doanh nghiệp.

2.4. Công tác điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng, sắp xếp đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09/10/2018, Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2016/QĐ-UBND*), theo đó: Diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp 596.642 ha (*rừng đặc dụng 84.224 ha; rừng phòng hộ 172.826 ha; rừng sản xuất 339.592 ha*); trong đó: đất có rừng 540.104 ha (*rừng tự nhiên 455.867, rừng trồng 84.237 ha*), đất chưa có rừng 56.538 ha (*đất trống không có cây gỗ tái sinh 5.058 ha, đất khác 2.065 ha, đất đang sản xuất nông nghiệp 49.415 ha*). Hiện nay, các cơ quan chuyên môn của tỉnh đang tiếp tục rà soát quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn thành phố Đà Lạt, huyện Lạc Dương, rà soát phạm vi ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp tại các Ban Quản lý rừng phòng hộ: Đại Ninh, Lâm Hà, Phi Liêng, Sêrêpôk để điều chỉnh cho phù hợp.

Thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về tiếp tục sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động các công ty lâm nghiệp, UBND tỉnh đã phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động cho 08 công ty TNHH MTV lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích quản lý 169.981 ha; trong đó: diện tích thuê đất để thực hiện sản xuất kinh doanh 10.468 ha và diện tích giao không thu tiền sử dụng đất 159.513 ha. Hiện nay, 08 công ty TNHH MTV lâm nghiệp đang lập phương án sử dụng đất; đã được phê duyệt phương án sử dụng lao động; 05/08 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp được phê duyệt giá trị tài sản. (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*)

2.5. Công tác bảo vệ rừng

a) *Tình hình vi phạm:* Từ năm 2017 - 2021, các cơ quan chức năng đã phát hiện, xử lý và lập hồ sơ 3.840 vụ vi phạm; diện tích rừng bị thiệt hại 291 ha; khối lượng lâm sản thiệt hại do phá rừng 15.774 m³. Số vụ vi phạm, diện tích, khối lượng lâm sản thiệt hại đã giảm dần qua các năm⁽¹⁷⁾. (*Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*)

¹⁷ Năm 2017: 1.035 vụ (giảm 30%), diện tích rừng thiệt hại 90 ha (giảm 28%) và lâm sản thiệt hại 3.777 m³ (giảm 26%); năm 2018: 900 vụ (giảm 13%), diện tích rừng thiệt hại 62 ha (giảm 30%) và lâm sản thiệt hại 3.692 m³ (giảm 02%); năm 2019: 735 vụ (giảm 18%), diện tích rừng thiệt hại 57 ha (giảm 8%) và lâm sản thiệt hại 3.837 m³ (tăng 04%); năm

b) Tình trạng chống người thi hành công vụ: Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo lực lượng Công an, Quân sự tăng cường hỗ trợ và phối hợp thường xuyên với lực lượng Kiểm lâm, chủ rừng nhằm ngăn chặn tình trạng chống người thi hành công vụ, điều tra, xử lý các điểm nóng về khai thác, vận chuyển lâm sản, phá rừng; do đó đã mang lại những kết quả tích cực⁽¹⁸⁾; điển hình trong năm 2015, trên địa bàn huyện Đa Tễ đã xảy ra vụ chống người thi hành công vụ làm 01 đồng chí Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 02 hy sinh; đối với vụ vi phạm trên, đối tượng vi phạm đã bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật và đồng chí Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 02 đã được công nhận liệt sỹ.

2.6. Công tác phát triển rừng

a) Trồng rừng: Thực hiện Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN, ngày 08/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp; toàn tỉnh đã trồng được 3.206 ha rừng, trong đó: trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác 885 ha, trồng rừng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (*trồng trên đất trống, đất sau giải tỏa, đất sau khai thác trắng rừng trồng, trồng bổ sung cây trên diện tích rừng cảnh quan mật độ thưa, trồng rừng vành đai*) 1.783 ha, trồng rừng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách 538 ha.

b) Chăm sóc rừng: Tổng diện tích chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2017 - 2021 là 23.770 ha (*năm 2017: 10.910 ha; năm 2018: 6.212 ha; năm 2019: 2.657 ha; năm 2020: 2.191 ha; năm 2021: 1.800 ha*).

c) Trồng rừng mật độ thấp trên diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định: UBND tỉnh đã chỉ đạo⁽¹⁹⁾ UBND các huyện/thành phố tổ chức rà soát diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm đang canh tác nông nghiệp ổn định để xây dựng, thực hiện phương án trồng rừng mật độ thấp trên diện tích này. Các địa phương, đơn vị chủ rừng đã tổ chức cho các hộ gia đình trồng rừng mật độ thấp trên diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định với tổng diện tích 2.831 ha⁽²⁰⁾ (*năm 2018: 787 ha; năm 2020: 384 ha; năm 2021: 1.660 ha*).

d) Trồng cây phân tán, cây che bóng: Theo kế hoạch được phê duyệt, các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức phát động, hưởng ứng phong trào trồng cây phân tán, cây che bóng vào các dịp tết trồng cây hằng năm, đặc biệt là dịp sinh nhật Bác Hồ (ngày 19/5) nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về vai trò, tác dụng, giá trị của rừng; ý nghĩa của việc trồng cây, trồng rừng, công tác bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần tạo cảnh quan môi trường, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc phát động trồng cây đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tạo điều kiện để tất cả các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, trường học, lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia; lựa chọn loài cây trồng thích hợp, đảm bảo chất lượng và phù hợp với điều kiện tự nhiên ở từng địa phương với phương châm

2020: 680 vụ (giảm 7%), diện tích rừng thiệt hại 46 ha (giảm 21%), lâm sản thiệt hại 2.472 m³ (giảm 36%); năm 2021: 490 vụ (giảm 28%), diện tích rừng thiệt hại 36 ha (giảm 21%), lâm sản thiệt hại 2.000 m³ (giảm 19%);

¹⁸ Năm 2017 xảy ra 05 vụ (giảm 01 vụ so với năm 2016); năm 2018 xảy ra 03 vụ; năm 2019 xảy ra 02 vụ; năm 2020 xảy ra 01 vụ và năm 2021 không xảy ra.

¹⁹ Thông báo số 36/TB-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh kết luận tại Hội nghị tổng kết thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TU ngày 30/9/2008 của Tỉnh ủy Lâm Đồng và tổng kết công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng năm 2014, triển khai nhiệm vụ năm 2015 và Văn bản số 6689/UBND-LN ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh về việc xây dựng phương án khôi phục rừng trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm.

²⁰ Thực hiện trên địa bàn các huyện: Di Linh, Đa Huoai, Đam Rông, Đức Trọng, Lâm Hà từ năm 2018 đến 2021.

“trồng cây nào sống tốt cây đó”. Giai đoạn 2017-2020 các địa phương đã tổ chức trồng được 0,313 triệu cây phân tán các loại; riêng năm 2021 thực hiện Kế hoạch trồng 50 triệu cây xanh, toàn tỉnh trồng được 6,113 triệu cây xanh⁽²¹⁾ các loại đạt 182% góp phần phủ xanh đất trống trong đô thị, cơ quan, trường học, bệnh viện, đường phố⁽²²⁾, tăng tỷ lệ che phủ của rừng và cây xanh.

2.7. Công tác quản lý diện tích giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp

a) *Theo dõi dự án đầu tư*: Đến nay, toàn tỉnh hiện còn 322 dự án/307 doanh nghiệp được giao, cho thuê đất để đầu tư triển khai dự án, với tổng diện tích 52.722 ha; UBND tỉnh đã thu hồi 208 dự án/30.469 ha (gồm 172 dự án thu hồi toàn bộ/26.226 ha và 36 dự án thu hồi một phần/4.242 ha) do: không triển khai thực hiện dự án hoặc triển khai chậm tiến độ đã được phê duyệt, không tổ chức, bố trí lực lượng QLBRV trên diện tích được thuê để rừng bị phá, bị lấn chiếm trái phép mà không có biện pháp ngăn chặn; doanh nghiệp tự nguyện trả lại dự án...; có 252 doanh nghiệp phải thuê rừng⁽²³⁾; 49 doanh nghiệp không phải thuê rừng (do các doanh nghiệp này thuộc đối tượng được giao đất, giao rừng, tự bỏ vốn trồng rừng, diện tích đất được thuê không có rừng, ...).

b) *Giao rừng cộng đồng dân cư*: có 08 cộng đồng dân cư được giao đất, giao rừng với tổng diện tích 2.260 ha trên địa bàn các huyện: Đức Trọng, Đam Rông, Di Linh, Bảo Lâm. Qua kiểm tra rà soát UBND tỉnh thống nhất tiếp tục duy trì mô hình giao rừng cộng đồng cho 03 cộng đồng tại các huyện: Đức Trọng, Đam Rông và Di Linh do 03 mô hình này phù hợp với chính sách giao rừng cộng đồng, thực sự phát huy sức mạnh trong bảo vệ rừng; thu hồi 05 mô hình giao rừng cộng đồng tại các xã: Gia Bắc, Sơn Điền (huyện Di Linh) và các xã Lộc Nam, Lộc Bảo, Lộc Phú (huyện Bảo Lâm) do không thực hiện tốt việc QLBRV, để mất rừng, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, thành phần, đối tượng được giao rừng cộng đồng không đúng quy định,...

2.8. Việc xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có sai phạm trong công tác QLBRV

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan khẩn trương điều tra, xác minh, hoàn thiện hồ sơ để kịp thời xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp; đặc biệt là các vụ vi phạm nổi cộm hoặc gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng; đồng thời, chỉ đạo kiểm điểm, xem xét xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan (nhất là trách nhiệm của người đứng đầu UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đơn vị chủ rừng, lực lượng kiểm lâm,...); đã tiến hành xử lý kỷ luật đối với 157 trường hợp do thiếu trách nhiệm để xảy ra phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật⁽²⁴⁾. (Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

2.9. Ký kết và thực hiện quy chế phối hợp trong công tác QLBRV

²¹ Đà Lạt: 275.055 cây; Lạc Dương: 420.180 cây; Đơn Dương: 604.800 cây; Đức Trọng: 488.808 cây; Lâm Hà: 541.091 cây; Đam Rông: 456.915 cây; Di Linh: 1.055.578 cây; Bảo Lộc: 180.856 cây; Bảo Lâm: 1.389.690 cây; Đà Huoai: 126.590 cây; Đà Têh: 214.257 cây và Cát Tiên: 272.436 cây.

²² Năm 2017: 134.426 cây, năm 2018: 50.561 cây, năm 2019: 58.212 cây, năm 2020: 69.403 cây.

²³ Đã có quyết định cho thuê rừng: 219 doanh nghiệp/diện tích 16.639 ha; chưa có quyết định thuê rừng là 33 doanh nghiệp.

²⁴ Lực lượng kiểm lâm: 37 người (16 trường hợp cảnh cáo và 21 trường hợp khiển trách); lực lượng chủ rừng: 107 người (86 trường hợp khiển trách, 13 trường hợp cảnh cáo, 02 trường hợp chậm nâng lương 01 năm, 01 trường hợp cách chức, 02 trường hợp buộc thôi việc và 03 trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự); UBND cấp xã: 13 người (02 trường hợp cảnh cáo và 11 trường hợp khiển trách).

- UBND tỉnh đã ký quy chế phối hợp bảo vệ rừng vùng giáp ranh với các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký quy chế phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông; quy chế phối hợp với Công an tỉnh về phối hợp tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về QLBR.

- Chi cục Kiểm lâm đã ký quy chế, phương án phối hợp bảo vệ rừng vùng giáp ranh với Chi cục Kiểm lâm vùng 4, Chi cục Kiểm lâm tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, Đồng Nai.

- Hầu hết UBND cấp huyện, Hạt kiểm lâm, UBND cấp xã và các đơn vị chức năng thuộc huyện đã ký kết quy chế phối hợp BVR vùng rừng giáp ranh với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh có vùng rừng giáp ranh để tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện quy chế, xác định tồn tại hạn chế, nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm và đưa ra phương hướng, giải pháp khắc phục thực hiện trong thời gian tiếp theo.

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức rà soát, tham mưu thay thế các quy chế phối hợp cho phù hợp với Luật Lâm nghiệp năm 2017 (*Văn bản số 313/UBND-LN, ngày 14/01/2022*).

2.10. Kết quả thực hiện Đề án 1836

- *Kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững cấp tỉnh, cấp huyện:* Đã kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững cấp tỉnh (*Quyết định số 1338/QĐ-UBND, ngày 26/05/2021*); kiện toàn ban chỉ đạo cấp huyện, thành phố (12/12 đơn vị).

- *Tuyên truyền, nâng cao năng lực, nhận thức về quản lý bảo vệ rừng:* Năm 2021, đã tổ chức tuyên truyền được 376 cuộc/16.826 lượt người tham gia trên địa bàn tỉnh; ký 5.958 bản cam kết bảo vệ rừng đối với diện tích rừng giáp ranh; tiếp tục duy trì việc tuyên truyền lưu động theo chuyên đề về QLBR & PCCCR với Đài PTTH huyện, thành phố; tổ chức nhiều đợt tuyên truyền lưu động bằng xe loa tới tất cả các xã, phường, thị trấn có rừng.

- *Tăng cường tuần tra xử lý vi phạm:* Sau 01 năm triển khai thực hiện Đề án 1836, số vụ vi phạm giảm 190 vụ (*460/680 vụ, giảm 28%*); diện tích thiệt hại do phá rừng giảm 9,53 ha (*36,05/45,58 ha, giảm 21%*); lâm sản thiệt hại giảm 472 m³ (*427/2.472 m³, giảm 19%*); số vụ phát hiện được đối tượng vi phạm tăng 14% (*66%*) so với năm 2020. Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra theo mục tiêu mỗi năm giảm từ 10-15% trở lên về số vụ phá rừng; giảm từ 15-20% trở lên về diện tích và lâm sản thiệt hại; tăng dần tỷ lệ % số vụ phát hiện được đối tượng vi phạm. Số vụ vi phạm phức tạp, nổi cộm giảm so với năm 2020 là 24 vụ⁽²⁵⁾ (*23/47 vụ, giảm 51,06%*), hoàn thành kế hoạch đề ra.

- *Rà soát quy chế phối hợp:* rà soát và ký quy chế phối hợp; (i) UBND tỉnh đã ký quy chế phối hợp bảo vệ rừng vùng giáp ranh với các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông; (ii) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký quy chế phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận,

²⁵ Đam Rông 13 vụ, Lâm Hà 04 vụ, Di Linh 02 vụ, Đà Lạt 02 vụ, Lạc Dương 01 vụ và Đức Trọng 01 vụ.

Đắk Nông, quy chế phối hợp với Công an tỉnh về phối hợp tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm về QLBR; (iii) Chi cục Kiểm lâm đã ký quy chế, phương án phối hợp bảo vệ rừng vùng giáp ranh với Chi cục Kiểm lâm vùng 4, Chi cục Kiểm lâm tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, Đồng Nai; (iv) Hầu hết, UBND cấp huyện, hạt kiểm lâm, UBND cấp xã và các đơn vị chức năng thuộc huyện đã ký kết quy chế phối hợp BVR vùng rừng giáp ranh với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh có vùng rừng giáp ranh để tổ chức triển khai thực hiện.

- *Tham mưu Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*: Ngày 31/12/2021, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã có Văn bản số 362-CV/BCSD về việc trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự thảo Nghị quyết chuyên đề của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- *Ban hành quy định về giải tỏa và quy trình trồng rừng sau giải tỏa*: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Văn bản số 1536/SNN-KL ngày 27/8/2021 về quy trình cưỡng chế, giải tỏa hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu về hành vi lấn, chiếm rừng, phá rừng trái pháp luật; đối với quy trình trồng rừng sau giải tỏa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng, gửi văn bản xin ý kiến các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan và đang hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các đơn vị.

- *Thực hiện trồng rừng sau giải tỏa (334 ha)*: đến nay đã trồng được 271 ha đạt 81% kế hoạch theo đề án (năm 2020 trồng được 113 ha, đạt 163% so với kế hoạch năm; năm 2021 trồng được 158 ha, đạt 122% so với kế hoạch năm); trồng rừng trên diện tích bị phá khi thực hiện đề án năm 2021 trồng được 34ha/36 ha đạt 94%.

- *Kiểm kê diện tích 52.041 ha đất sản xuất nông nghiệp ổn định trên diện tích quy hoạch lâm nghiệp*: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng và trình đề cương, dự toán kinh phí thực hiện Đề án điều tra, kiểm kê hiện trạng, xây dựng bản đồ, hồ sơ phục vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, hiện đang tiếp tục điều chỉnh đề cương, dự toán cho phù hợp.

- *Khôi phục tỷ lệ che phủ rừng trên diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định*: các địa phương đã thực hiện trồng khôi phục tỷ lệ che phủ rừng trên diện tích 1.635 ha/4.038 ha⁽²⁶⁾, đạt 40,5% kế hoạch năm 2021.

- *Xây dựng mô hình trồng xen cây lâm nghiệp*: đã xây dựng các mô hình trồng xen với tổng diện tích 12 ha tại 05 địa phương trên địa bàn tỉnh.

- *Hướng dẫn lập hồ sơ, nghiệm thu, trồng và chăm sóc cây trồng xen*: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành hướng dẫn về trồng xen cây lâm nghiệp, cây đa mục đích, cây xanh trên đất quy hoạch lâm nghiệp người dân đang sản xuất nông nghiệp ổn định trên địa bàn tỉnh; áp dụng quy trình kỹ thuật trồng xen một số cây ăn quả trong vườn cây công nghiệp phục vụ kế hoạch trồng 50 triệu cây

²⁶ - Xây dựng, thực hiện mô hình mẫu trồng xen có chất lượng: 12 ha.

- Trồng xen trên diện còn lại (đã trừ diện tích mô hình mẫu): 1.623 ha.

xanh trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn thực hiện Đề án “Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khôi phục và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”; Quy trình kỹ thuật trồng rừng đối với các loài cây trồng chính lâm nghiệp như: Keo, Thông ba lá, Dầu rái, Sao đen.

- *Phương án di dân, tái định canh, định cư*: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai thực hiện theo quy định.

- *Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững (QLRBV) tại các đơn vị chủ rừng nhà nước*: có 04 đơn vị chủ rừng đã được phê duyệt Phương án QLRBVR (Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Di Linh, Bảo Lâm, Đơn Dương và Vườn Quốc gia Cát Tiên); 06 đơn vị chủ rừng nhà nước đã nộp phương án QLRBV về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định (Ban Quản lý rừng phòng hộ: Tà Nung, Tân Thượng, D’ran, Nam Huoi, Đạm B’ri; Vườn Quốc gia Bidoup-Núi Bà); hiện còn 16 đơn vị chủ rừng Nhà nước đang hoàn thiện phương án.

- *Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các chủ rừng*: UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2016/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018, Quyết định số 503/QĐ-UBND, ngày 08/3/2021 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2016/QĐ-UBND), hiện nay các cơ quan chuyên môn của tỉnh đang tiếp tục rà soát quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn thành phố Đà Lạt, huyện Lạc Dương và rà soát phạm vi ranh giới, diện tích đất lâm nghiệp tại các Ban Quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp để điều chỉnh cho phù hợp; đồng thời trình phê duyệt điều chỉnh ranh giới đất cho các đơn vị chủ rừng (dự kiến hoàn thành trước ngày 28/02/2022).

- *Ban hành thay thế Quyết định 102/2004/QĐ-UBND về xử lý trách nhiệm đối với chủ rừng, kiểm lâm, ban lâm nghiệp cấp xã không kịp thời kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn hành vi phá rừng, phát đốt rừng làm rẫy trái phép xảy ra trên địa bàn*: UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định bãi bỏ Quyết định số 102/2004/QĐ-UBND, ngày 21/6/2004 trước ngày 28/02/2022.

- *Thành lập đường dây nóng tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh*: Chi cục Kiểm lâm đã thành lập công khai số điện thoại đường dây nóng trong lĩnh vực lâm nghiệp (Thông báo số 55/TB-KL, ngày 18/10/2021); ban hành ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 48/QĐ-KL, ngày 15/10/2021) qua số điện thoại đường dây nóng.

3. Đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, Chỉ thị số 30-CT/TU và Đề án 1836

3.1. Kết quả đạt được

Qua 05 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, 07 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU và 01 năm triển khai thực hiện Đề án 1836 đã nâng cao nhận thức, ý thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác QLBRV; đã khắc phục được một số tồn tại, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong công tác QLBRV; cấp ủy Đảng, chính

quyền địa phương, các sở, ban, ngành đoàn thể đã quan tâm, triển khai thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về QLBNR; đã phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, địa phương, trách nhiệm của kiểm lâm địa bàn, của chủ rừng; đặc biệt cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã quan tâm nhiều hơn trong công tác xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp kiểm tra tại rừng, QLBNR, PCCCR; chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đến cộng đồng dân cư; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BV&PTR.

Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện có được quản lý và bảo vệ nghiêm ngặt, tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật giảm; công tác quy hoạch, bảo vệ, phát triển rừng cơ bản đồng bộ, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các dự án đầu tư liên quan đến rừng, đất lâm nghiệp chú trọng đến bảo vệ, phát triển rừng, việc chuyển đổi rừng sang mục đích khác được kiểm soát chặt chẽ. Nhiều cơ chế, chính sách quy định trong lĩnh vực lâm nghiệp được ban hành mới, thay thế các quy định trước đây, đã tạo khung pháp lý đầy đủ, chặt chẽ hơn để thực hiện công tác QLBNR hiệu quả hơn; chế tài xử lý vi phạm tương đối rõ ràng, nghiêm minh,... trong đó có chủ trương đóng cửa rừng, dừng mọi hoạt động khai thác gỗ rừng tự nhiên, đã có tác động rất lớn, tích cực trong hoạt động QLBNR, nâng cao chất lượng rừng, độ che phủ rừng.

Trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền các cấp, các tổ chức, các sở, ban, ngành được xác định rõ ràng và được thể hiện rõ trong công tác lãnh, chỉ đạo công tác QLBNR.

Hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước của UBND các cấp được nâng cao; các cơ quan, ban, ngành, chính quyền cấp huyện, cấp xã, đơn vị chủ rừng và đơn vị liên quan đã chủ động tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc QLBNR trên địa bàn quản lý, quyết liệt đấu tranh ngăn chặn xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; kiên quyết trong xử lý theo quy định pháp luật đối với các trường hợp thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra tình trạng phá rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật, lấn chiếm đất lâm nghiệp, cháy rừng ...

Mặc dù, tình hình vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp vẫn tiếp tục diễn ra và có những diễn biến phức tạp, các đối tượng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp với nhiều thủ đoạn tinh vi; tuy nhiên, đã được kiểm soát chặt chẽ hơn, số vụ vi phạm, diện tích/khối lượng lâm sản thiệt hại đã giảm dần qua các năm; đa số diện tích đất lâm nghiệp mới bị lấn chiếm đã được giải tỏa, thu hồi và trồng lại rừng; Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo cương quyết tháo dỡ toàn bộ nhà kính, nhà lưới, công trình xây dựng trái phép trên đất quy hoạch lâm nghiệp để khôi phục lại rừng.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Một số sở, ban, ngành và địa phương chưa quyết liệt tổ chức thực hiện những chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, dẫn đến tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa được ngăn chặn triệt để; vẫn còn xảy ra các vụ phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật có tính chất phức tạp, nổi cộm, gây thiệt hại lớn đến rừng nhưng chậm phát hiện, ngăn chặn và xử lý; vi phạm vắng chủ vẫn chiếm tỷ lệ lớn; số vụ án được hoàn thiện điều tra, đưa ra truy tố, xét xử chiếm tỉ lệ thấp gây dư luận không tốt trong xã hội.

Chính quyền địa phương cấp cơ sở, đơn vị chủ rừng ở những địa bàn trọng điểm vi phạm chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao, chưa quyết liệt trong công tác triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh; chưa thực hiện hết trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo các quy định hiện hành.

Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa cao; một bộ phận hộ dân nhận khoán bảo vệ rừng chưa thực hiện đúng trách nhiệm của hộ nhận khoán; chế tài xử lý trách nhiệm người nhận khoán khi để rừng bị phá chưa tạo tính răn đe.

Việc trồng rừng thay thế không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; công tác trồng rừng sau giải tỏa còn khó khăn trong việc bảo vệ, chăm sóc sau khi trồng; chế tài xử lý đối với đối tượng cố tình phá hoại tài sản (*cây mới trồng rừng*) chưa có tính răn đe, giáo dục.

Một số doanh nghiệp được thuê đất, thuê rừng thực hiện dự án đầu tư chậm tiến độ, thực hiện không đúng các hạng mục đầu tư đã được phê duyệt; để mất rừng, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trái pháp luật, buông lỏng quản lý,...; chưa chấp hành nghiêm việc nộp tiền bồi thường tài nguyên rừng đối với diện tích rừng bị mất.

Một số địa phương chưa chấp hành tốt nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh liên quan đến công tác giải tỏa, thu hồi đất do phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, giải tỏa nhà lợp, nhà kính, công trình xây dựng trái phép trên đất lâm nghiệp để khôi phục lại rừng⁽²⁷⁾.

Năm 2021, là năm đầu tiên thực hiện Đề án 1836, các địa phương chưa thực hiện quyết liệt các nội dung công việc theo Kế hoạch số 599/KH-UBND của UBND tỉnh còn lúng túng trong việc triển khai thực hiện, nhất là công tác trồng xen khôi phục rừng trên diện tích đất sản xuất nông nghiệp ổn định quy hoạch cho lâm nghiệp đạt tỷ lệ thấp.

Nhiều chủ rừng xây dựng phương án quản lý rừng bền vững chậm hơn so với yêu cầu, gây ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo điều hành.

3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan:

- Lâm Đồng có diện tích rừng lớn, phân bố không tập trung, địa hình chia cắt, hiểm trở, phức tạp, cơ sở hạ tầng còn hạn chế gây khó khăn cho công tác QLBRV. Nhu cầu đất sản xuất trên địa bàn tỉnh ngày càng gia tăng, đời sống của người dân còn khó khăn, trình độ còn hạn chế, trong khi đó quỹ đất để cấp cho các hộ nghèo, hộ thiếu đất sản xuất có giới hạn; giá trị đất sản xuất nông nghiệp tăng; bên cạnh đó, nhiều diện tích rừng thường đan xen, giáp ranh với các diện tích sản xuất nông nghiệp của người dân nên công tác QLBRV gặp nhiều khó khăn.

- Đời sống của một bộ phận người đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các khu vực vùng sâu, vùng xa vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nguy cơ tái nghèo cao, một số chính sách chưa được bố trí kinh phí kịp thời để triển khai thực hiện gây

²⁷ Các Thông báo của UBND tỉnh: số 36/TB-UBND ngày 10/02/2015; số 257/TB-UBND ngày 02/11/2015 kết luận buổi làm việc bàn biện pháp xử lý sau kiểm tra của đoàn công tác liên ngành kiểm tra, xử lý tình hình san ủi, chặt phá rừng lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép trên địa bàn tỉnh; số 125/TB-UBND ngày 16/5/2017 kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị về kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng và công tác QLBRV trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 6689/UBND-LN ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh về việc xây dựng phương án khôi phục rừng trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm...

khó khăn cho địa phương.

- Các đối tượng vi phạm với nhiều hình thức tinh vi, đặc biệt đối với hành vi phá rừng bằng hình thức ken, khoan cây đổ hóa chất, hậu quả chỉ biểu hiện sau một thời gian dài, rất khó khăn cho công tác điều tra, truy tìm đối tượng vi phạm để xử lý.

- Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách nói chung còn mỏng, thiếu về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác QLBR, chế độ đãi ngộ còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu cuộc sống hiện nay; bên cạnh đó áp lực công việc ngày càng lớn nên một số công chức, viên chức, người lao động thực hiện công tác QLBR chưa thực sự an tâm, nhiệt huyết công tác, hiệu quả thực thi nhiệm vụ chưa cao.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở, cơ quan chức năng, đơn vị chủ rừng chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức trong công tác QLBR; một số địa phương chưa kiểm tra thực tế tại rừng và chưa đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các đối tượng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp tại địa phương.

- Lực lượng chức năng, đơn vị liên quan (*chủ rừng, kiểm lâm, UBND cấp xã*) ở một số địa phương chưa có sự phối hợp chặt chẽ, chưa thường xuyên tuần tra, kiểm tra rừng, thậm chí thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ nên không kịp thời phát hiện, ngăn chặn ngay từ khi xảy ra vi phạm; chưa sử dụng hiệu quả lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng trong việc tuần tra ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng; các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng còn hạn chế; một số cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng bảo vệ rừng chưa làm tròn nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm trong công tác QLBR,....

- Công tác điều tra, đấu tranh với các đối tượng có hành vi phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp tại một số địa phương, đơn vị thực hiện chưa tốt, chưa thường xuyên, liên tục; do đó tác dụng phòng ngừa vi phạm chưa cao; các vụ án gây thiệt hại nghiêm trọng tài nguyên rừng nhưng chưa điều tra rõ để xử lý đối với các chủ đầu nậu, đối tượng cầm đầu, các đường dây, các đối tượng thông đồng, bao che, bảo kê cho hoạt động vi phạm, phạm tội nên chưa tạo tính răn đe, giáo dục.

- Công tác quản lý, phục hồi lại rừng trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm chưa hiệu quả, còn tình trạng để người vi phạm canh tác sử dụng diện tích do phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp.

- Một số doanh nghiệp chưa thực hiện đúng phương án, tiến độ đầu tư được phê duyệt, buông lỏng công tác QLBR trên diện tích được thuê.

3.4. Bài học kinh nghiệm

Một là, công tác QLBR phải có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, toàn dân mới thật sự hiệu quả. Địa phương, đơn vị chủ rừng nào thực hiện tốt trách nhiệm QLBR, kiên quyết xử lý vi phạm, xử lý trách nhiệm đối với các sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức liên quan thì công tác QLBR ở địa phương, đơn vị đó mới đạt hiệu quả.

Hai là, khi người dân, đặc biệt là ĐBDT thiểu số, hộ nghèo, dân di cư tự do có đời sống, thu nhập ổn định và ngày càng nâng cao; thực hiện đảm bảo các chương trình, chính sách của nhà nước như: khoán bảo vệ rừng, giao đất cho các hộ dân tại

chỗ trồng rừng kinh tế, nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân, thì các tác động tiêu cực vào rừng, đất lâm nghiệp giảm đáng kể và tiến tới chấm dứt tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp (*như tại huyện Đơn Dương, Cát Tiên và một số địa phương khác*); quản lý chặt chẽ nhân hộ khẩu, hạn chế di dân tự do.

Ba là, công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cộng đồng, của toàn xã hội về QLБVR luôn được xác định là việc làm thường xuyên, lâu dài, có sự tham gia của nhiều lực lượng trong hệ thống chính trị; kết hợp đồng bộ với hoạt động kiểm tra, truy quét và kiên quyết xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm.

Bốn là, tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị quản lý rừng; kịp thời động viên, khen thưởng, nhân rộng điển hình, tấm gương sáng trong QLБVR; bên cạnh đó phải kịp thời xử lý nghiêm trách nhiệm, đúng người, đúng lỗi trong QLБVR.

Phần thứ ba

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Nhận định, dự báo tình hình, mục tiêu thực hiện

Trước xu thế phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng, công tác QLБVR sẽ tiếp tục gặp phải những khó khăn, thách thức như: tình trạng dân di cư tự do tiếp tục diễn biến phức tạp; nhu cầu về đất ở, đất sản xuất tiếp tục tăng cao,... đòi hỏi các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt công tác QLБVR, đảm bảo phù hợp, kịp thời, hiệu quả; đồng thời, thực hiện tốt các nội dung chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị ở địa phương trong công tác QLБVR; tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW, Chỉ thị số 30-CT/TU, Nghị quyết của Tỉnh ủy.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp, giải pháp, chương trình, dự án về QLБVR đảm bảo chặt chẽ, bền vững, duy trì và nâng cao chất lượng rừng; chủ động thực hiện tốt công tác PCCCR, phấn đấu đạt mục tiêu năm 2022, về: số vụ vi phạm, diện tích rừng/khối lượng lâm sản thiệt hại giảm từ 25-30% so với năm 2021; hạn chế thấp nhất việc để rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm; trồng rừng, khôi phục và phát triển rừng trên diện tích đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp; trồng 50 triệu cây xanh trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện giao khoán bảo vệ rừng, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người nhận khoán; duy trì tỷ lệ che phủ rừng năm 2022 từ 55% trở lên, nâng cao chất lượng rừng,...; đồng thời, thường xuyên chấn chỉnh, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động thực hiện công tác QLБVR, phấn đấu hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Những nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong thời gian tới

Để thực hiện tốt nhiệm vụ QLБV&PTR trong thời gian tới; cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

2.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát

triển rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, làm cơ sở cho các cấp, ngành, địa phương triển khai thực hiện.

2.2. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở

- Xác định công tác QLBV&PTR là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng phải thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, tiếp tục thực hiện nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về QLBV&PTR; sử dụng tài nguyên rừng có hiệu quả.

2.3. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở cấp huyện và cấp cơ sở; kịp thời quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Chính phủ trong công tác QLBV&PTR để các tổ chức, cá nhân và nhân dân biết, thực hiện.

- Tổ chức rà soát chương trình, kế hoạch, ban hành nghị quyết chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong công tác QLBV, phát triển rừng và quản lý lâm sản; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trong QLBV và phát triển rừng; định kỳ 06 tháng, hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện công tác QLBV&PTR trên địa bàn.

- Tiếp tục thường xuyên kiểm tra, quản lý cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác QLBV&PTR; kịp thời khen thưởng, biểu dương những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân không làm tròn trách nhiệm hoặc vi phạm trong công tác QLBV&PTR.

2.4. Ban cán sự đảng UBND tỉnh tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh:

- Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất, trực tiếp kiểm tra tình hình QLBV&PTR, phát triển rừng tại các địa phương và có chỉ đạo cụ thể; duy trì họp định kỳ (hàng quý, 06 tháng, năm) đánh giá, phân tích những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, từ đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong công tác QLBV&PTR.

- Triển khai, thực hiện kịp thời có hiệu quả Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 12/NQ-CP, ngày 15/02/2020 và Nghị quyết số 22/NQ-CP, ngày 01/3/2020 của Chính phủ về ổn định dân di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường; quản lý chặt chẽ dân di cư tự do từ các địa phương khác đến. Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân ổn định đời sống, không phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp; kết hợp giải quyết các cơ chế, chính sách đối với người dân sống gần rừng, nhất là ĐBDTTS, hộ nghèo thiếu đất sản xuất.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố: (i) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người dân về vai trò, giá trị của rừng; lồng ghép thực hiện các chương trình/dự án phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết ổn định tình hình người

dân di cư tự do, nâng cao đời sống người dân, đẩy mạnh việc giao rừng và đất lâm nghiệp, khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư sống chủ yếu bằng nghề rừng, tổ chức thực hiện các dự án ổn canh, ổn cư, ổn định cuộc sống, giảm thiểu các hoạt động phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật; (ii) Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm, quyết liệt, có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cơ quan về nội dung Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư, Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định có liên quan; Kế hoạch số 25-KH/TU, ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; Quyết định 1836/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Đề án “*Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp; khôi phục và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030*”; Kế hoạch số 2209/KH-UBND, ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh về trồng 50 triệu cây xanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về tăng cường công tác QLBR và đất lâm nghiệp.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức các cơ quan chức năng về lâm nghiệp trên địa bàn; nâng cao tinh thần trách nhiệm các cơ quan, đơn vị trong công tác QLBR, nhất là người đứng đầu chính quyền địa phương và các đơn vị chủ rừng. Kiểm tra, kiên quyết xử lý đối với những địa phương, đơn vị chủ rừng buông lỏng công tác quản lý để xảy ra vi phạm gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng trên diện tích được giao quản lý theo đúng tính chất, mức độ vi phạm; (iv) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, lực lượng kiểm lâm, công an, các đơn vị chủ rừng và chính quyền địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp trong tổ chức rà soát các đối tượng chuyên phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp để mời gọi, yêu cầu ký cam kết không vi phạm; kiểm tra, tuần tra, truy quét nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các vụ vi phạm, điểm nóng về chặt phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp trái pháp luật.

- Thực hiện tốt quy chế phối hợp với các tỉnh vùng giáp ranh trong kiểm tra, ngăn chặn hiệu quả các vụ vi phạm. Điều tra, triệt phá các đối tượng cầm đầu hoạt động khai thác, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; giám sát triệt để các đối tượng đã từng có vi phạm và nguy cơ vi phạm; quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ; xử lý nghiêm và kiên quyết những phần tử tiếp tay, bao che hoặc kích động, lôi kéo chống người thi hành công vụ.

- Tăng cường quản lý đất lâm nghiệp, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về đất đai, như: mua bán, sang nhượng và hợp thức hoá quyền sử dụng đất do phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật; lợi dụng chính sách dân tộc để lôi kéo, xúi giục, thuê đồng bào dân tộc phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp, khai thác, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Thực hiện nghiêm quy chế phối hợp về công tác QLBR giữa các địa phương trong tỉnh và giữa tỉnh Lâm Đồng với các tỉnh vùng giáp ranh; (vi) Tiếp tục thống kê toàn bộ diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trái pháp luật trong quy hoạch 03 loại rừng; xây dựng phương án xử lý, giải quyết cụ thể, kiên quyết phục hồi lại diện tích rừng đã bị lấn chiếm, trình UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện; (vii) Lãnh đạo UBND cấp huyện, cấp xã phải trực tiếp đi kiểm tra tình hình QLBR&PTR tại địa phương

để kịp thời đánh giá tình hình và tiếp tục chỉ đạo, có biện pháp ngăn chặn các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng và xử lý các vụ việc phát sinh trên địa bàn; đối với khu vực phức tạp, cần tổ chức kiểm tra thường xuyên để xử lý dứt điểm. Địa phương, cơ quan, đơn vị nào để rừng bị phá, khai thác lâm sản trái pháp luật, để đất lâm nghiệp bị lấn chiếm/san gạt/sử dụng sai mục đích thì người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị đó cấp đó phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cấp trên; đồng thời, người đứng đầu mặt trận, đoàn thể, các cơ quan liên quan ở địa phương đó cũng phải kiểm điểm trách nhiệm liên quan.

- Các Ban của Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QLBV&PTR đến các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh; phát động và duy trì phong trào thi đua “*Dân vận khéo trong QLBV&PTR*”, vận động quần chúng nhân dân tham gia tố giác các đối tượng vi phạm pháp luật về QLVR; xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác QLVR.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT2.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Trần Đình Văn

Phụ lục I

**THỐNG KÊ VĂN BẢN, KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHỈ THỊ 13-CT/TW, CHỈ THỊ 30-CT/TU VÀ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO
TĂNG CƯỜNG TRONG CÔNG TÁC QLBVR**

(Kèm theo Báo cáo số 193-BC/TU ngày 15/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Stt	Cấp triển khai	Văn bản triển khai và chỉ đạo		Kế hoạch triển khai		Ghi chú
		Tên văn bản (công văn, Nghị quyết ...)	Ngày ban hành	Tên kế hoạch	Ngày ban hành	
I	Tỉnh ủy					
1	Tỉnh ủy Lâm Đồng	1290-CV/TU	24/01/2017	25-KH/TU	31/3/2017	
2	Tỉnh ủy Lâm Đồng	1388-CV/TU	18/3/2017			
II	UBND tỉnh					
1	UBND tỉnh Lâm Đồng	5131/UBND-LN	31/8/2015			
2	UBND tỉnh Lâm Đồng	5932/UBND-LN	2/10/2015			
3	UBND tỉnh Lâm Đồng	6583/UBND-LN	30/10/2015			
4	UBND tỉnh Lâm Đồng	1528/UBND-LN	25/3/2016			
5	UBND tỉnh Lâm Đồng	164/TB-UBND	1/7/2016			
6	UBND tỉnh Lâm Đồng	6055/UBND-LN	3/10/2016			
7	UBND tỉnh Lâm Đồng	6526/UBND-LN	21/10/2016			
8	UBND tỉnh Lâm Đồng	02/TB-UBND	3/1/2017			
9	UBND tỉnh Lâm Đồng	2168/UBND-LN	14/4/2017	6823/KH-UBND	11/10/2017	
10	UBND tỉnh Lâm Đồng	2608/UBND-LN	3/5/2017			
11	UBND tỉnh Lâm Đồng	3531/UBND-LN	7/6/2017			
12	UBND tỉnh Lâm Đồng	5447/UBND-LN	21/8/2017			
13	UBND tỉnh Lâm Đồng	205/TB-UBND	16/8/2017			
14	UBND tỉnh Lâm Đồng	08/TB-UBND	15/1/2018			
15	UBND tỉnh Lâm Đồng	2547/UBND-LN	2/5/2018			
16	UBND tỉnh Lâm Đồng	175/TB-UBND	22/6/2018			
17	UBND tỉnh Lâm Đồng	5984/UBND-LN	18/9/2018			
18	UBND tỉnh Lâm Đồng	225/TB-UBND	21/9/2018			
19	UBND tỉnh Lâm Đồng	24/TB-UBND	28/1/2019			
20	UBND tỉnh Lâm Đồng	632/UBND-LN	31/1/2019			
21	UBND tỉnh Lâm Đồng	999/UBND-LN	25/2/2019			
22	UBND tỉnh Lâm Đồng	3260/UBND-NC	11/5/2019			
23	UBND tỉnh Lâm Đồng	3773/UBND-LN	20/6/2019			
24	UBND tỉnh Lâm Đồng	152/TB-UBND	26/6/2019			
25	UBND tỉnh Lâm Đồng	184/TB-UBND	28/7/2019			
26	UBND tỉnh Lâm Đồng	4845/UBND-LN	5/8/2019			
27	UBND tỉnh Lâm Đồng	4863/UBND-LN	6/8/2019			
28	UBND tỉnh Lâm Đồng	5203/UBND-NC	19/8/2019			
III	Huyện ủy					
1	Thành ủy Đà Lạt	02-NQ/ThU	14/4/2016			
2	Thành ủy Bảo Lộc	133-CV/ThU	11/6/2016			
3	Bảo Lâm	44-CTr/HU	10/5/2017			
		03-NQ/HU	29/12/2017			
		25-CT/HU	13/11/2018			
4	Đạ Tẻh	05-NQ/HU	24/5/2016	30-KH/HU	28/4/2017	
		135-CV/HU	31/8/2016			
		22-CV/VPHU	25/1/2017			
		229-CV/HU	10/3/2017			
		460-QĐ/HU	11/4/2017			

		403-CV/HU	30/3/2018			
		04-CV/BCD	23/4/2019			
		581-CV/HU	6/3/2019			
5	Lâm Hà	24-CT/HU	26/1/2015	56-KH/HU	5/4/2017	
		167-CV/HU	12/8/2016			
		231-CV/HU	2/3/2017			
		254-CV/HU	13/3/2017			
		259-TB/HU	13/3/2018			
		260-TB/HU	20/3/2018			
		489-CV/HU	8/6/2018			
		736-CV/HU	7/6/2019			
		25-CT/HU	19/11/2019			
6	Di Linh	360-CV/HU	2/6/2017	39-KH/HU	11/10/2017	
		737-CV/HU	17/8/2018			
		966-CV/HU	24/7/2019			
7	Đức Trọng	39-CTr/HU	7/7/2017	25-NQ/HU	18/6/2015	
8	Đam Rông	350-CV/HU		40-KH/HU	26/4/2017	
9	Đơn Dương	02-NQ-HU	11/11/2015			
		424-CV/HU	2/8/2017			
		979/CV-HU	18/10/2019			
IV	UBND huyện					
1	TP. Đà Lạt	130/BCĐ-KL	28/3/2018	06/KH-KL	10/4/2018	
		1962/UBND	5/4/2018	02/KH-KL	18/1/2019	
2	TP. Bảo Lộc	1841/UBND	1/9/2017	136/KH-UBND	6/11/2017	
3	Bảo Lâm	01/CT-UBND	4/1/2017			
		03/CT-UBND	28/1/2019			
4	Đạ Huoai			31/KH-UBND	12/3/2018	
5	Đạ Tẻh	255/UBND - KT	23/4/2015	06/KH-UBND	12/1/2018	
		156/UBND-LN	1/4/2016			
		337a/UBND-LN	22/6/2017			
		665/UBND-LN	30/11/2017			
		06/KH-UBND	15/1/2018			
		43/UBND-LN	26/1/2018			
		476/UBND-LN	12/10/2018			
		176/UBND	13/5/2019			
		272/UBND-LN	18/7/2019			
6	Lâm Hà	125/UBND-KL	20/2/2017	51/KH-BCĐ	3/3/2017	
		880/UBND-NNPTNT	30/8/2018	04/KH-UBND-LN	1/10/2018	
		380/UBND-NNPTNT	9/4/2019	31/KH-UBND	24/1/2019	
7	Đức Trọng	1778/UBND	28/8/2015	92/KH-UBND	9/7/2015	
		1674/UBND	19/7/2016	72/KH-UBND	18/5/2018	
		1723/UBND	22/7/2016			
		1923/UBND	16/8/2016			
		2122/UBND	9/9/2016			
		2211/UBND	20/9/2016			
		2345/UBND	7/10/2016			
8	Đam Rông	426/UBND	22/5/2017			
9	Di Linh	1683/UBND-SX	20/10/2015	152/KH-UBND	13/11/2017	
		1964/UBND	30/11/2015			
		2121/UBND	29/12/2015			
		1020/UBND	6/10/2016			
		2233/UBND	18/10/2017			

		835/UBND	5/2/2018			
		2517/UBND	11/8/2018			
		1051/UBND	6/6/2019			
10	Đơn Dương	1662/UBND	30/12/2015			
		01/UBND	3/7/2016			
10	Đơn Dương	415/UBND	30/3/2016			
		1027/UBND	18/7/2016			
		118/UBND	25/1/2017			
		04/CT-UBND	20/03/2017			
		877/UBND	13/6/2017			
		06/CT-UBND	14/8/2017			
		1391/UBND	19/9/2017			
		191/UBND	2/12/2018			
		641/UBND	5/8/2018			
		657/UBND	14/5/2018			
		1562/UBND	23/10/2018			
		1693/UBND	11/12/2018			
		99/UBND	28/01/2019			
		140/UBND	12/02/2019			
		1163/UBND	19/8/2019			

Phụ lục II

TỔNG HỢP SẮP XẾP CÔNG TY LÂM NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Báo cáo số 193-BC/TU ngày 15/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Stt	Đơn vị	Diện tích rừng và đất lâm nghiệp công ty quản lý trước khi sắp xếp (ha)					Diện tích rừng và đất lâm nghiệp công ty quản lý sau khi sắp xếp theo Nghị định 118 (ha)							Ghi chú
		Tổng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Đất khác	Tổng	DT giao không thu tiền	DT thuê để SXKD	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Đất khác	
1	Công ty TNHH MTV LN Đơn Dương	21,668		1,889	17,212	2,567	21,647	19,221	2,426					
2	Công ty TNHH MTV LN Di Linh	28,120		2,263	25,705	152	26,551	24,294	2,257					
3	Công ty TNHH MTV LN Tam Hiệp	26,725		873	25,681	171	25,342	24,587	755					
4	Công ty TNHH MTV LN Bảo Thuận	19,260		829	18,151	280	18,297	17,706	591					
5	Công ty TNHH MTV LN Lộc Bắc	24,788		3,341	21,132	315	24,986	23,990	996					
6	Công ty TNHH MTV LN Bảo Lâm	20,602		3,942	16,467	193	18,934	16,872	2,061					
7	Công ty TNHH MTV LN Đạ Tẻh	24,175		4,850	19,316	9	24,118	23,564	554					
8	Công ty TNHH MTV LN Đạ Huoai	9,758			9,188	570	10,108	9,280	828					
Tổng cộng		175,096		17,987	152,852	4,257	169,981	159,513	10,468					

Phụ lục III

**SỐ LIỆU VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG
TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN 31/12/2021**

(Kèm theo Báo cáo số 193-BC/TU ngày 15/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

Stt	Nội dung vi phạm	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
I	Tình hình vi phạm						
1	Số vụ (vụ)	1,035	900	735	680	490	3,840
2	Diện tích thiệt hại (ha)	89.55	62.40	57.38	45.59	36.05	290.97
3	Lâm sản thiệt hại (4 hành vi) (m3)	3,777.38	3,691.78	3,833.13	2,472.17	2,000.00	15,774
II	Đã xử lý	1,035	900	735	680	449	3,799
1	Hành chính	1,000	856	677	646	413	3,592
2	Chuyển xử lý hình sự	35	44	58	34	36	207
III	Lâm sản, PT tịch thu						0
1	Phương tiện (chiếc)	421	295	242	243	230	1,431
	Ô tô	24	17	9	13	8	71
	Xe máy	241	178	113	84	77	693
	Dụng cụ, phương tiện khác	156	100	120	146	145	667
2	Lâm sản (m³)	1,475.93	1,248.11	918.81	1,260.50	937.80	5,841
	Gỗ tròn (m ³)	1,007.90	898.77	678.50	1,037.24	792.86	4,415
	Gỗ xẻ (m ³)	468.03	349.34	240.31	223.27	144.94	1,426
	Trong đó:						0
	<i>Gỗ tròn quý hiếm (m3)</i>	<i>11.92</i>	<i>6.56</i>	<i>12.01</i>	<i>5.51</i>	<i>3.88</i>	40
	<i>Gỗ xẻ quý hiếm (m3)</i>	<i>14.95</i>	<i>12.26</i>	<i>5.86</i>	<i>5.12</i>	<i>1.57</i>	40
3	Giá trị lâm sản ngoài gỗ (1000đ)	31,029	21,858	11,625	10,944	5,506	80,962
4	Động vật (cá thể)	108	16	30	51	127	332
	Trọng lượng (kg)	118	111	41	174	276	720
IV	Thu nộp ngân sách (1.000 đồng)	8,961,432	5,776,764	4,666,029	5,244,454	6,149,516	30,798,196

Phụ lục IV

**SỐ LIỆU KIỂM ĐIỂM, KỶ LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN 31/12/2021**

(Kèm theo Báo cáo số 193-BC/TU ngày 15/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng)

STT	Địa phương	Kiểm lâm			Chủ rừng							UBND cấp xã			Tổng	Ghi chú
		Cá nhân		Tập thể	Cá nhân						Tập thể					
		Khiển trách	Cảnh cáo		Khiển trách	Cảnh cáo	Chậm nâng lương 1 năm	Cách chức	Buộc thôi việc	Hình sự		Khiển trách	Cảnh cáo			
1	Đà Lạt				5										5	
2	Lạc Dương	3			10	1						4			18	
3	Đơn Dương					2									2	
4	Đức Trọng	2	1		23	3			1	1		3	2		36	
5	Lâm Hà	2	1		8	1			1			2			15	
6	Đam Rông	4	1		25	3						1			34	
7	Dì Linh	3	2		8	3									16	
8	Bảo Lộc															
9	Bảo Lâm	6	7		5		1	1		2					22	
10	Đạ Huoai															
11	Đạ Tẻh		3		2		1					1			7	
12	Cát Tiên		1												1	
13	Đội 1	1													1	
Tổng		21	16	0	86	13	2	1	2	3	0	11	2		157	